



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2018

Ngành: **NGÔN NGỮ ANH**

Chuyên ngành: **Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh**

Mã số ngành: **7220201**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐAM H	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	40	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			34	25	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
2	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
3	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
4	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			9	9	0	0	0	0	
1	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
2	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	3					
3	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tố chất cá nhân chung			6	6	0	0	0	0	
1	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	3					
2	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			15	15	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	SOS203	Các nền văn minh thế giới		3					
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
3	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1		3					
2	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1		3					
3	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2		3					KOR201
2	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2		3					JAP201
3	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2		3					CHI201

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐAM H	KL TN	
		<i>(Chọn 1 trong 4 học phần)</i>	3						
1	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
2	NAS203	Thống kê ứng dụng		3					
3	ACC201	Kế toán đại cương		3					
4	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông		3					
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3						
1	SOS206	Mỹ học đại cương		3					
2	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ		3					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	61	1	10	0	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			6	4	1	1	0	0	
1	ENG305	Ngữ âm, Âm vị và Hình vị học	3	3					
2	ENG306	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ PPGD bộ môn TA	2	1	1				
3	ENG308	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
II.2. Các học phần chuyên ngành			57	57	0	0	0	0	
II.2a. Phần bắt buộc			54	54	0	0	0	0	
1	ENG410	Luyện dịch 1	3	3					
2	ENG419	Phát âm	3	3					
3	ENG424	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	3	3					
4	ENG425	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	3	3					ENG424
5	ENG423	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3					
6	ENG427	Tiếng Anh đọc 1	3	3					
7	ENG428	Tiếng Anh đọc 2	3	3					ENG427
8	ENG429	Tiếng Anh đọc 3	3	3					ENG428
9	ENG430	Tiếng Anh nghe-nói 1	3	3					ENG419
10	ENG431	Tiếng Anh nghe-nói 2	3	3					ENG430
11	ENG432	Tiếng Anh nghe-nói 3	3	3					ENG431
12	ENG433	Tiếng Anh nghe-nói 4	3	3					ENG432
13	ENG434	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3	3					
14	ENG435	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3	3					ENG434
15	ENG436	Tiếng Anh ngữ pháp 3	3	3					ENG435
16	ENG437	Tiếng Anh viết 1	3	3					ENG434
17	ENG438	Tiếng Anh viết 2	3	3					ENG437
18	ENG439	Tiếng Anh viết 3	3	3					ENG438
II.2b. Phần tự chọn			3	3	0	0	0	0	
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3						
1	ENG447	Văn hóa Anh		3					
2	ENG448	Văn hóa Mỹ		3					
II.3. Học phần thực tập			21	0	0	9	0	12	
1	ENG453	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ PPDH BM T. Anh	4			4			ENG424
2	ENG503	Thực tập tốt nghiệp	5			5			ENG442

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐAM H	KL TN	
3	ENG508	Khóa luận tốt nghiệp	12					12	
		<i>(Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)</i>	12	12					
1	ENG446	Cú pháp	3	3					
2	ENG303	Kỹ năng sư phạm	3	3					
3	ENG411	Luyện dịch 2	3	3					
4	ENG420	Phiên dịch	3	3					
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

P. TRƯỞNG KHOA NGOẠI NGỮ

**KT. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

ThS. Bùi Phú Hưng

PGS.TS Phạm Vũ Phi Hổ